

CÁC CHỈ TIÊU NHẬN DIỆN HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC NỘI TẠI CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN THEO LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

Trần Văn Khởi¹

TÓM TẮT

Từ sau năm 2013, các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012 có nhiều thuận lợi và đã phát triển rất mạnh về số lượng và hiệu quả, góp phần quan trọng vào kinh tế nông thôn, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên phong trào kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng do nhiều nguyên nhân và có nguyên nhân quan trọng là từ nội tại của các HTX. Kết quả nghiên cứu điều tra từ 24 HTX đại diện cho các mảng sản xuất nông nghiệp cả nước đã chỉ ra những hạn chế nội tại chính của HTX, định lượng những khó khăn nội tại của HTX để nhận diện đánh giá HTX phục vụ quản lý nhà nước về HTX và các HTX nông nghiệp tham khảo tự đánh giá mình. Một số chỉ số về khó khăn của HTX nông nghiệp được đưa ra như: Số thành viên quá lớn trên 200 thành viên và HTX hoạt động đơn ngành nghề; HTX không có phương án sản xuất kinh doanh; liên kết sản xuất kém với cung cấp dịch vụ đầu vào sản xuất dưới 60% và tiêu thụ sản phẩm dưới 30%; ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất dưới 30% và ứng dụng công nghệ cao dưới 20%; doanh thu hàng năm dưới 500 triệu đồng và lợi nhuận dưới 200 triệu đồng.

Từ khóa: Luật Hợp tác xã năm 2012, HTX nông nghiệp, chỉ tiêu nhận diện khó khăn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011 - 2020, trên cơ sở nghị quyết của Đảng và thực tiễn hoạt động của hợp tác xã (HTX) kiểu mới, tại kì họp thứ 4 Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật HTX sửa đổi (ngày 20/11/2012), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 [2]. Luật HTX năm 2012 ra đời đã kế thừa, ghi nhận các kết quả đạt được của quá trình phát triển HTX, tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về mô hình quản lý và hoạt động, tạo tiền đề để các HTX tiếp tục phát triển. Hầu hết các địa phương trong cả nước đều đã tập trung chỉ đạo chuyển đổi HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới cho phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của hộ kinh tế cá thể dựa trên quyền tự chủ sản xuất kinh doanh. Kinh tế hợp tác không chỉ giúp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh mà còn tạo việc làm, gia tăng thu nhập, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống của xã viên. Phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp có ý nghĩa sâu sắc cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và trật tự an ninh. Trong những năm gần đây HTX nông nghiệp đã có những

bước phát triển vượt bậc, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng nông thôn mới ở nước ta. HTX có vai trò rất quan trọng trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp [5]. Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể, HTX vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Phong trào kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng [1], trong khi đóng góp của khu vực HTX vào GDP của cả nước trung bình khoảng 3,9%/năm [4]. Sự tồn tại, hạn chế thể hiện ở pháp luật, cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, bản thân HTX nông nghiệp và công tác thực hiện chức năng quản lý nhà nước về HTX. Để phục vụ công tác quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp và bản thân các HTX nhận biết những hạn chế yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục cần có một số chỉ số nhận diện. Kết quả nghiên cứu từ thực tiễn điều tra phỏng vấn và số liệu thứ cấp bước đầu đưa ra một số chỉ số nhận diện khó khăn của các HTX nông nghiệp làm cơ sở đánh giá chất lượng của HTX và có các giải pháp khắc phục.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp lựa chọn 24 HTX điều tra

- Xác định 24 HTX điều tra tại 12 tỉnh đại diện cho vùng: Vùng trung du, miền núi phía Bắc gồm Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Bắc Giang; miền Trung gồm Thanh hóa, Thừa Thiên - Huế, Bình Định; miền

¹ Hội Sinh vật cảnh Việt Nam
Email: trvkhoid@gmail.com

Nam gồm Đồng Nai, Bến Tre, Kiên Giang, Đồng Tháp và Tây Nguyên là Đắc Nông.

- 24 HTX đại diện cho 5 lĩnh vực gồm: 10 HTX trồng trọt; 5 HTX lâm nghiệp; 2 HTX diêm nghiệp; 3 HTX thủy sản; 4 HTX tổng hợp.

2.2. Phương pháp xác định nội dung điều tra

- Điều tra tình hình chung của HTX về một số thông tin cơ bản qua số liệu thứ cấp.

- Những chỉ tiêu đánh giá về hạn chế, khó khăn nội tại của HTX: tổ chức HTX, nhân lực, vốn, tài sản cố định, vai trò của chính quyền địa phương qua điều tra thực tế 24 HTX nông nghiệp.

2.3. Điều tra số liệu sơ cấp

Bảng 1. Tình hình HTX nông nghiệp cả nước năm 2020

TT	Theo lĩnh vực		Theo vùng	
	Lĩnh vực	Số HTX	Vùng sinh thái	Số HTX
1	Trồng trọt	5.912	Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH)	4.667
2	Chăn nuôi	990	Miền núi phía Bắc (MNPB)	4.301
3	Lâm nghiệp	156	Duyên hải miền trung (DHMT)	4.005
4	Thủy sản	1.055	Tây Nguyên	1.255
5	Diêm nghiệp	49	Đông Nam bộ (ĐNB)	717
6	Nước sạch nông thôn	30	Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)	2.517
7	Tổng HTX tổng hợp	9.270		
	Cộng	17.462		17.462

(Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)

3.1.2. Trình độ của cán bộ quản lý và thành viên HTX nông nghiệp

Cán bộ quản lý HTX là những người nằm trong hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán, cán bộ kỹ thuật, các tổ trưởng và đội trưởng các tổ đội sản xuất kinh doanh. Theo số liệu báo cáo từ 63 tỉnh thành phố năm 2020 trình độ của thành viên HTX như sau:

- *Về cán bộ quản lý HTX:* Trong số 64.653 cán bộ quản lý HTX có 7.840 người có trình độ đại học, trên đại học, chiếm 12,13%; 10.789 người có trình độ cao đẳng, chiếm 16,69%, 15.603 người có trình độ trung cấp, chiếm 24,13%; 14.369 người có trình độ sơ cấp, chiếm 22,22%, còn lại là chưa qua đào tạo. Về cán bộ quản lý cấp trưởng giữ các chức danh Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX có 21.591 người; trong đó 3.454 người có trình độ đại học, trên đại học, chiếm 16%; 4.115 người có trình độ cao đẳng, chiếm 19,06%; 5.323 người có trình độ trung cấp, chiếm 8,99%; 4.659 người có trình độ sơ cấp, chiếm 21,58%; 4.040 người chưa qua đào tạo, chiếm 18,71%.

- *Về cán bộ kiểm soát:* Số cán bộ là Trưởng ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên) của HTX là 18.131 người, trong đó 1.623 người có trình độ đại học, trên đại học, chiếm 8,95%; 3.003 người có trình độ cao đẳng, chiếm 16,56%; 13.505 người có trình độ trung cấp và sơ cấp, chiếm 74,5% còn lại là chưa qua đào tạo.

- *Về cán bộ chuyên môn:* Số cán bộ kế toán có trình độ đại học chỉ chiếm gần 20%, trình độ trung sơ cấp chiếm khoảng 44%, ở một số HTX không có kế toán riêng mà phải thuê kế toán bên ngoài làm việc bán thời gian. Cán bộ chuyên môn kỹ thuật trình độ đại học cũng chỉ chiếm 11,48%, số cán bộ kỹ thuật chưa qua đào tạo vẫn còn chiếm tới 18,51%.

- *Về thành viên HTX:* Những thành viên của HTX tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh là những nông dân sống trên địa bàn nên hầu hết chưa qua đào tạo (chỉ qua tập huấn ngắn hạn) nên khả năng tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật mới nhìn chung hạn chế.

Bảng 2. Số lượng và trình độ cán bộ quản lý HTX nông nghiệp theo vùng

TT	Vùng	Đơn vị	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Trình độ				
				Đại học, trên đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo
	Cả nước	Người	64.653	7.840	10.789	15.603	14.369	16.052
	Tỷ lệ	%		12,13	16,69	24,13	22,22	24,83
1	ĐBSH	Người	20.186	2.264	2.509	4.383	4.855	6.175
	Tỷ lệ	%		11,22	12,43	21,71	24,05	30,59
2	MNPB	Người	14.939	1.414	1.718	3.176	4.386	4.245
	Tỷ lệ	%		9,47	11,50	21,26	29,36	28,42
3	DHMT	Người	13.675	1.683	2.011	4.924	2.410	2.647
	Tỷ lệ	%		12,31	14,71	36,01	17,62	19,36
4	Tây Nguyên	Người	4.458	703	1478	873	460	944
	Tỷ lệ	%		15,77	33,15	19,58	10,32	21,18
5	Đông Nam bộ	Người	2.342	397	744	460	432	309
	Tỷ lệ	%		16,95	31,77	19,64	18,45	13,19
6	ĐBSCL	Người	9.053	1.379	2.329	1.787	1.826	1.732
	Tỷ lệ	%		15,23	25,73	19,74	20,17	19,13

(Nguồn: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn)
 kiện để đầu tư xây dựng cơ bản hoặc không có vốn
 đối ứng để thực hiện dự án được hỗ trợ.

3.1.3. Cơ sở vật chất và tài sản của HTX

- *Vốn của HTX nghèo nàn, khả năng huy động vốn thấp:* Số liệu điều tra toàn quốc cho thấy tổng số vốn hoạt động của HTX nông nghiệp năm 2020 là 24.979 tỷ đồng, tăng 15.786 tỷ đồng so với năm 2012, bình quân vốn cho một HTX hoạt động sản xuất kinh doanh rất thấp (1,5 tỷ đồng/HTX), tuy có tăng khoảng 0,5 tỷ đồng so với 2012. Thống kê theo vùng cho thấy: vùng Đông Nam bộ có vốn bình quân lớn nhất là 3,86 tỷ đồng/HTX, vùng ĐBSH là 1,4 tỷ đồng/HTX; vùng ĐBSCL 0,8 tỷ đồng/HTX. Theo kết quả điều tra của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT năm 2019 có khoảng gần 1.700 HTX (0,9% HTX nông nghiệp) tiếp cận được với nguồn vốn quỹ hỗ trợ phát triển HTX, bình quân mỗi HTX được vay khoảng 500 triệu đồng.

- *Cơ sở vật chất và tài sản của HTX không đáp ứng được yêu cầu của HTX:* Đa số các HTX không có điều kiện để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật. Hiện còn nhiều HTX không có trụ sở làm việc phải mượn nhà riêng của thành viên HTX làm trụ sở, một số phải mượn trụ sở hoặc cơ sở của UBND xã để làm việc; một số HTX có trụ sở làm việc nhưng không có hội trường, hoặc có thì nhỏ không đủ tổ chức các cuộc đại hội thành viên. Nhà nước có chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng nhưng ít HTX nông nghiệp tiếp cận được với chính sách hỗ trợ đầu tư; một số được vốn hỗ trợ thì không có đất đai đủ điều

3.1.4. Tổ chức hoạt động

- *Nhiều HTX có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh (PASXKD) chất lượng thấp:* Qua số liệu báo cáo của 63 tỉnh, thành phố có khoảng 65% HTX hoạt động có hiệu quả cao do có PASXKD khá. HTX hoạt động có hiệu quả thì khâu đầu tiên HTX phải xây dựng được một PASXKD tốt, có tính khả thi và được tổ chức thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc.

- *Đa số các HTX chưa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất:* Cả nước chỉ có 1.718 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNCNC), chiếm 10,4% HTX đang hoạt động và chủ yếu ở lĩnh vực trồng trọt có 1.342 HTX (chiếm 78,5%) còn các lĩnh vực khác rất hạn chế.

- *Tổ chức kiên kết và tiêu thụ sản phẩm của các HTX gặp nhiều khó khăn:* Năm 2020 có 27% HTX có liên kết với doanh nghiệp, đây là con số rất thấp mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

- *Khả năng ứng phó với rủi ro về thiên tai, dịch bệnh và biến động của thị trường của các HTX rất hạn chế:* Sản xuất nông nghiệp có đặc thù phần lớn thực hiện đều ở “ngoài trời” nên chịu tác động rất lớn và trực tiếp của thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng. Ở qui mô HTX, việc ứng phó với các tác động

này bao gồm: bố trí thời vụ nuôi trồng cây con né tránh thiên tai như né hạn hán, nắng nóng, sương giá, gió bão, nhiễm mặn, úng lụt, sạt lở đất.... bố trí lựa chọn loại cây trồng vật nuôi cùng quy trình kỹ thuật thích hợp để hạn chế dịch bệnh hại, xử lý tình huống để khôi phục sản xuất sau thiên tai dịch bệnh xảy ra để hạn chế thấp nhất thiệt hại, đề xuất với các cấp chính quyền để xem xét hỗ trợ theo chính sách của Nhà nước. Đa số các HTX hiện yếu về các vấn đề này, không xử lý được tình hình và phó mặc cho thiệt hại hoặc chỉ giải quyết được một phần các giải pháp.

3.2. Chỉ tiêu phác thảo nhận diện khó khăn của HTX nông nghiệp

Dựa trên các quy định trong Luật HTX năm 2012 và thực tiễn hoạt động của HTX, đã phác thảo một số chỉ tiêu đang ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của HTX như sau:

- Về tổ chức HTX: Số thành viên HTX, Kiểm soát viên HTX, Giám đốc HTX và Chủ tịch HĐQT.

- Về nguồn nhân lực HTX: Trình độ của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX, cán bộ kỹ thuật của HTX, tập huấn cho xã viên HTX, lập kế hoạch đào tạo dài hạn.

- Về cơ sở hạ tầng của HTX: Diện tích trụ sở HTX, đất sản xuất kinh doanh, ngành nghề đăng ký, nhà xưởng kho bãi.

- Về năng lực quản trị HTX: Lập phương án SXKD, vốn điều lệ của HTX, vay vốn của HTX, vốn huy động khi HTX cần, xử lý khi thiên tai dịch bệnh.

- Về tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX: Liên kết cung ứng đầu vào, liên kết tiêu thụ sản phẩm, hợp đồng tiêu thụ nông sản, chế biến sản phẩm tại HTX, Website, thương mại điện tử của HTX, quảng bá sản phẩm trên truyền thông, tham gia hội chợ.

- Về áp dụng khoa học công nghệ trong HTX: Cơ giới hóa, ứng dụng NNCNC, chứng nhận chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: Tổng doanh thu/năm, lợi nhuận/năm, lương, phụ cấp, bảo hiểm ban quản lý, khen thưởng.

3.3. Kết quả điều tra về chỉ tiêu nhận diện khó khăn

3.3.1. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về tổ chức HTX

Tỷ lệ đến 76% người được hỏi cho rằng với lượng thành viên vừa phải từ 7-30 dễ quản lý điều hành và cho hiệu quả cao hơn. Tất nhiên đến một thời điểm phát triển nào đó cần tập trung lượng dịch vụ lớn, đặc biệt khối lượng nông sản lớn đáp ứng chứng nhận sản phẩm và cung ứng cho doanh nghiệp thì cần mở rộng thêm thành viên lớn hơn. Về kiểm soát viên đa phần HTX hiện nay có 1 kiểm soát viên có thể bao quát được hoạt động của cả HTX, đặc biệt với HTX có quy mô nhỏ, ít chủng loại sản phẩm và cán bộ kiểm soát có năng lực thì hiệu quả hơn. Hai chức năng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT của HTX do 1 người kiêm nhiệm tạo điều kiện thống nhất lãnh đạo, quyết định nhanh các vấn đề của HTX, đặc biệt với các HTX nhỏ và trung bình, sản xuất chuyên sâu, gắn kết chặt chẽ với thị trường và chuỗi liên kết.

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với tổ chức HTX nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Số thành viên HTX	7-30	> 200	76
2	Kiểm soát viên	1	3	61
3	Giám đốc HTX và Chủ tịch HĐQT	Kiểm	2 người	82

3.3.2. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về nguồn nhân lực của HTX

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với nguồn nhân lực HTX

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Trình độ của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX	Trung cấp hoặc đại học	Không nghiệp vụ	62
2	Cán bộ kỹ thuật của HTX	Đại học	Sơ cấp	71
3	Tập huấn cho xã viên	Hàng vụ	Thất thường	85
4	Lập kế hoạch đào tạo dài hạn	2 - 3 năm	Không có	67

Nguồn nhân lực của HTX, đặc biệt nhân lực trong Ban quản trị vô cùng quan trọng, đóng vai trò quyết định sự phát triển của HTX, vì vậy chỉ tiêu về nguồn nhân lực HTX là chỉ tiêu khá rõ nói lên sự thuận lợi hay khó khăn của HTX. Qua điều tra cho thấy khi Giám đốc HTX hoặc Chủ tịch HĐQT của HTX không có trình độ nghiệp vụ rất khó khăn trong hoạt động của HTX, rất hạn chế trong chỉ đạo điều hành, xúc tiến thương mại và kết nối thị trường. Lãnh

đạo HTX tốt nhất đã qua trình độ từ trung cấp trở lên sẽ tạo tiền đề tốt hơn cho HTX. Riêng cán bộ kỹ thuật là người đưa ra những quyết định liên quan đến chất lượng sản phẩm nên cần có trình độ đại học. Có đến 85% câu trả lời cho rằng tập huấn cho nông dân và đào tạo cho cán bộ quản lý để cập nhật kiến thức là rất quan trọng, quyết định thành công của HTX.

- Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về cơ sở hạ tầng của HTX

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với cơ sở hạ tầng của HTX

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Diện tích trụ sở HTX	100-300 m ²	Không có, thuê mượn	93
2	Đất sản xuất kinh doanh	Tùy HTX	-	100
3	Ngành nghề đăng ký	Tổng hợp	Chỉ 1 ngành	78
4	Nhà xưởng, kho bãi, cửa hàng	Có	Không	69

Hầu hết HTX nông nghiệp hiện nay đều có đất sản xuất và có trụ sở HTX, tuy nhiên đất sản xuất lại thuộc về sở hữu của các thành viên HTX và trụ sở HTX được xây dựng trên đất được địa phương giao từ trước hoặc đi thuê, mượn với HTX mới thành lập. Đa số cho rằng với diện tích làm trụ sở, văn phòng HTX không cần quá lớn, quan trọng là vị trí để thuận tiện liên hệ, giao dịch. Ngành nghề sản xuất kinh doanh cũng nói lên mức độ hoạt động của HTX, gần 80%

được cho rằng HTX mạnh phải đa dạng sản phẩm, có sản xuất và kinh doanh, có sản phẩm thô và sản phẩm sơ chế biến. Đa dạng hoạt động của HTX chính là đa dạng dịch vụ, thu hút lao động, tạo ra nhiều sản phẩm, gia tăng giá trị, tăng lợi nhuận của HTX.

3.3.3. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về năng lực quản trị của HTX

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với năng lực quản trị HTX

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Phương án sản xuất kinh doanh	Tự lập	Không có hoặc thuê	95
2	Vốn điều lệ của HTX	≥ 1.000 triệu đồng	≤ 500 triệu đồng	75
3	Vay hoạt động của HTX	≥ 2.000 triệu đồng	≤ 1.000 triệu đồng	58
4	Vốn huy động khi HTX cần	Dễ dàng	Không thể	63
5	Xử lý khi dịch bệnh	Can thiệp	Không thể	71
6	Hỗ trợ của Nhà nước khi thiên tai	Kịp thời	Không có	88
7	Khen thưởng	Cấp cao	Cấp xã	58

Điều thể hiện rõ nhất năng lực của Ban quản trị HTX nói chung và Giám đốc HTX nói riêng là khả năng lập phương án sản xuất trong năm của HTX, có phương án sản xuất thì mới có định hướng hoạt động và đưa ra kế hoạch cụ thể cho từng vụ, từng quý, từng công việc. Những HTX thành lập mới, quy mô vừa phải, mục tiêu sản xuất kinh doanh rõ ràng, đội ngũ quản trị trẻ, năng động luôn mất nhiều công sức để đưa ra 1 phương án hoạt động trong năm của HTX rất chặt chẽ, khả thi cao, làm nền tảng để thực thi cả năm. Phương án sản xuất tốt là tiền đề cho sự thành công và làm ăn hiệu quả trong

năm [3]. Những HTX không có phương án sản xuất hoặc phương án hình thức, chất lượng thấp là biểu hiện rõ nét của HTX yếu kém, khó khăn. Vốn thường xuyên cho HTX hoạt động là vô cùng quan trọng, qua khảo sát cho thấy đa số cho rằng HTX ít khó khăn là những HTX có vốn điều lệ trên 1.000 triệu đồng và hàng năm vay hoặc huy động trên 2.000 triệu đồng cho hoạt động, nhiều HTX vốn vay hoặc huy động hàng năm đến 5-6 tỷ đồng. Dựa trên quy mô kinh phí hoạt động hàng năm của HTX cũng có thể coi như 1 chỉ số quan trọng để đánh giá năng lực hoạt động của HTX.

3.3.4. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX

Trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX, ngoài việc chỉ đạo thực hiện đúng quy trình sản xuất đã được đưa ra thì việc tổ chức cung ứng giống và vật tư đầu vào sản xuất, tổ chức tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng liên kết cho các thành viên HTX là quan trọng nhất. Hầu hết các HTX hiện nay đảm nhận đến 100% dịch vụ đầu vào sản xuất cho xã viên.

Đảm bảo dịch vụ đầu vào sản xuất cho xã viên là bản chất căn bản của HTX kiểu mới. HTX khó khăn là HTX mà khối lượng dịch vụ đầu vào chỉ đạt dưới 60% khối lượng công việc và tiêu thụ sản phẩm cho xã viên dưới 30% sản lượng. HTX cần linh hoạt, chủ động trong việc đa dạng các kênh tiêu thụ sản phẩm để “dự bị” khi gặp những tình huống đột xuất, bất ngờ, bị “đứt gãy” chuỗi sản xuất, tiêu thụ [6].

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với tổ chức sản xuất kinh doanh của HTX

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Liên kết cung ứng đầu vào	100%	Dưới 60%	97
2	Liên kết tiêu thụ sản phẩm	$\geq 50\%$	Dưới 30%	81
3	Hợp đồng tiêu thụ nông sản	Hàng vụ, năm	Không có, ít	98
4	Chế biến sản phẩm tại HTX	Có	Không có	52
5	Website của HTX	Có	Không có	43
6	Quảng bá sản phẩm trên truyền thông	Có	Không	50
7	Tham gia hội chợ	≥ 1 lần/năm	Ít	67

3.3.5. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về áp dụng khoa học công nghệ của HTX

Những HTX bảo đảm dịch vụ cơ giới hóa hoặc đưa nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất của xã viên được đánh giá là HTX mạnh, ít khó khăn và nó như một tín hiệu để đánh giá 1 HTX có khó khăn hay không. HTX có khả năng làm dịch vụ hoặc liên kết thuê dịch vụ cơ giới hóa cho xã viên ở hầu hết các công đoạn sản xuất sẽ được đánh giá là tốt, có năng

lực và ít khó khăn. Việc áp dụng NNCNC đạt trên 50% loại cây con hoặc công đoạn sản xuất cũng được xếp vào HTX tiên tiến, tuy nhiên ý kiến nội hàm NNCNC còn khác nhau xong những kỹ thuật áp dụng mang lại hiệu quả cao mà trước đó không có thì coi như đã ứng dụng NNCNC như tưới nước tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới, bể bả trong bảo vệ thực vật, điều tiết thức ăn nước uống tự động trong chăn nuôi, quản lý môi trường vật nuôi...

Bảng 8. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với áp dụng khoa học công nghệ trong HTX

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Cơ giới hóa	Khâu sản xuất chính	Dưới 30%	89
2	Ứng dụng NNCNC	$\geq 50\%$	Dưới 20%	68
3	Chứng nhận chất lượng sản phẩm	Có chứng nhận	Chưa chứng nhận	57
4	Nhãn hiệu hàng hóa	Có nhãn hiệu	Không	43

3.3.6. Kết quả chỉ tiêu nhận diện khó khăn về kết quả sản xuất kinh doanh của HTX

Bảng 9. Kết quả phỏng vấn về chỉ số đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số phù hợp	Chỉ số không phù hợp	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Tổng doanh thu/năm	Trên 3.000 triệu đồng	≤ 500 triệu đồng	77
2	Lợi nhuận hàng năm	Trên 300 triệu đồng	≤ 200 triệu đồng	85
3	Tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển	Trên 20%	$\leq 15\%$	28
4	Tỷ lệ trích quỹ dự phòng	$\leq 5\%$	Không	95
5	Lương, phụ cấp, bảo hiểm Ban quản lý	Đầy đủ	Nợ	83

Kết quả cuối cùng của hoạt động HTX chính là doanh thu và lợi nhuận, việc phân phối lợi nhuận trong HTX. Đa số các ý kiến đánh giá cao các chỉ tiêu

về doanh thu hàng năm của HTX, lợi nhuận trong năm và bản chất nguồn gốc của lợi nhuận, lương hay phụ cấp ban quản trị HTX. Những HTX có doanh thu

dưới 500 triệu đồng/năm hoặc tổng lợi nhuận dưới 200 triệu đồng/năm thường là những HTX kém, khó khăn. Theo Liên minh HTX Việt Nam, năm 2019 doanh thu bình quân của HTX đạt 3,37 tỷ đồng/HTX/năm, lãi bình quân của một HTX là 248 triệu đồng/HTX/năm, thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong HTX là 44 triệu đồng/người/năm. Vì vậy khi doanh thu dưới 500 triệu đồng và lợi nhuận dưới 200 triệu đồng/năm được đánh giá là HTX khó khăn, hoạt động kém hiệu quả.

3.4. Các chỉ tiêu và chỉ số nhận diện hạn chế, khó khăn nội tại của HTX nông nghiệp

Để nhận diện hạn chế, khó khăn bằng những biểu hiện cụ thể rất khó khăn vì nó phụ thuộc nhiều vào điều kiện, hoàn cảnh của 1 HTX cụ thể. Qua điều tra cho thấy nhiều khi có quan điểm trái ngược nhau về cùng 1 vấn đề khó khăn của HTX do đặc thù hoạt động khác nhau. Từ 34 chỉ số điều tra, đã loại trừ 14 chỉ số có ý kiến không rõ ràng và đề xuất 20 chỉ tiêu nhận diện, tuy nhiên cần được vận dụng linh hoạt vào từng trường hợp cụ thể mà có cách đánh giá khách quan, chính xác.

Bảng 10. Chỉ số nhận diện khó khăn của HTX nông nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Chỉ số
1	Số thành viên HTX	≥ 200
2	Giám đốc HTX và Chủ tịch HĐQT	2 người
3	Trụ sở HTX	Thuê hay mượn
4	Nhà xưởng, kho bãi, cửa hàng	Không
5	Ngành nghề đăng ký sản xuất – kinh doanh	Đơn ngành
6	Trình độ của Giám đốc HTX và Chủ tịch HĐQT	Không nghiệp vụ
7	Cán bộ kỹ thuật của HTX	Sơ cấp
8	Tập huấn cho xã viên HTX	Thất thường
9	Vốn điều lệ của HTX	≤ 500 triệu đồng
10	Lập phương án sản xuất kinh doanh	Không có hay thuê
11	Liên kết cung ứng đầu vào	$\leq 60\%$
12	Liên kết tiêu thụ sản phẩm	$\leq 30\%$
13	Hợp đồng tiêu thụ nông sản	Không có, ít và ngắn hạn
14	Ứng dụng NNCNC	$\leq 20\%$ khâu sản xuất
15	Xử lý kỹ thuật khi thiên tai dịch bệnh	Không thể
16	Cơ giới hóa các khâu sản xuất	$\leq 30\%$
17	Tổng thu doanh thu/năm	≤ 500 triệu đồng
18	Lợi nhuận của năm	≤ 200 triệu đồng
19	Tỷ lệ trích quỹ dự phòng/lợi nhuận	Không
20	Lương, phụ cấp, bảo hiểm ban quản lý	Nợ, thanh toán cuối năm

4. KẾT LUẬN

- Quá trình khảo sát cho thấy hiện nay các HTX nông nghiệp kiểu mới hoạt động theo Luật HTX năm 2012 có nhiều thuận lợi hơn, đặc biệt cơ chế được tự chủ, tự chịu trách nhiệm và được tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động, nhưng vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Những khó khăn về nội tại của HTX đan xen với các khó khăn do các quy định lỗi thời, khó khăn do điều kiện kinh tế xã hội của địa phương đang kìm hãm HTX phát triển, không đạt được những kỳ vọng về kinh tế tập thể và HTX.

- Những chỉ tiêu và chỉ số khảo sát để đưa ra nhận diện hạn chế, khó khăn trong báo cáo chỉ là

tương đối, nó có thể thay đổi tùy theo loại hình HTX và thời điểm hoạt động. Tuy nhiên đây cũng là các chỉ số bước đầu khái quát, đánh giá những bất cập tại cơ sở thông qua phản ánh trực tiếp từ cán bộ và thành viên HTX mẫu được lựa chọn điều tra.

- Dựa trên những chỉ số nhận diện khó khăn của HTX làm căn cứ ban đầu cho các HTX và cơ quan quản lý nhà nước có thể phân loại, đánh giá, tác động để hỗ trợ thúc đẩy HTX nông nghiệp phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thu Hoài, 2020. Phát triển kinh tế hợp tác xã Việt Nam trong bối cảnh mới. Tạp chí Tài chính, ngày 22/01/2020.

2. Phạm Việt Dũng, 2012. Phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã. Tạp chí Cộng sản. Trang điện tử của Liên minh HTX Việt Nam. phap-16722.html
3. Đặng Văn Thanh, 2020. Một số giải pháp phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tạp chí Tài chính, tháng 2/2020.
4. <https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-mo-hinh-hop-tac-xa-kieu-moi-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-16722.html>
5. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/hop-tac-xa-nong-nghiep-thuc-day-chuyen-doi-so-thich-ung-thoi-dai-40-598343.html>
6. <https://lmhtx.kiengiang.gov.vn/trang/TinTuc/17/2730/HTX-can-chu-dong-nang-cao-nang-luc-dap-ung-voi-kho-khan-trong-tinh-hinh-moi.html>

INDICATORS FOR IDENTIFYING AGRICULTURAL COOPERATIVES' INTERNAL DIFFICULTIES UNDER THE COOPERATIVES LAW 2012

Tran Van Khoi

Summary

Since 2013, agricultural cooperatives that operate under the cooperatives law 2012 have been receiving many advantages and strongly development in both quantity and efficiency, making an important contributions to rural economy, poverty alleviation, building new rural areas. However, the development of the collective economy and agricultural cooperatives has not been commensurating with its potential due to many reasons in which there are important reasons from cooperatives themselves. The result from the survey of 24 agricultural cooperatives that are represented for different agricultural production sectors have shown internal limitations of cooperatives, quantified the inner difficulties for recognizing and evaluating cooperatives of government's management as well as cooperatives' references of their self assessment. Some indicators for identifying agricultural cooperatives' internal difficulties are given such as: The number of members is too large over 200 members and simple operation; the cooperative does not have a business plan; poor linkage with enterprises in supply of production inputs less than 60% and product consumption less than 30%; the application of mechanization in production is less than 30% and the application of high technology is less than 20%; annual revenue less than 500 million VND and profit less than 200 million VND.

Keywords: *The Cooperatives Law 2012, Agricultural Cooperative, indicators for identifying difficulties.*

Người phản biện: TS. Dương Ngọc Thí

Ngày nhận bài: 22/9/2021

Ngày thông qua phản biện: 22/10/2021

Ngày duyệt đăng: 29/10/2021